Phụ lục II

**PHÍ THUỘC LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO, DU LỊCH**

 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND*

*ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Mức thu (đồng)** | **Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu** | **Tỷ lệ (%) nộp NSNN** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **III** | **Phí thư viện** |  |  |  |  |  |
| **1** | **Đối tượng nộp phí** |  |  |   |   |   |
|  | Các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu cung cấp các dịch vụ phục vụ bạn đọc, sử dụng vốn tài liệu tại Thư viện tỉnh phải nộp phí thư viện (thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu) theo quy định |  |  |   |   |   |
| **2** | **Nội dung thu phí** |  |  |   |   |   |
| - | Người lớn | đồng/thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu/năm | 30.000 | 100% | 0% |   |
| **3** | **Đối tượng miễn, giảm nộp phí** |  |  |   |   |   |
| - | Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú. | đồng/thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu/năm | Mức thu bằng 50% mức thu tại điểm 2, Mục III nêu trên | 100% | 0% |   |
| - | Trẻ em, người cao tuổi, thương binh, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo | đồng/thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu/năm | Miễn thu |   |   |   |
| - | Sử dụng tài nguyên thông tin tại thư viện, mượn theo thời hạn quy định trong nội quy thư viện |  | Miễn thu |  |  |  |
| - | Tra cứu thông tin trên không gian mạng; tiếp nhận thông tin về tài nguyên thông tin thông qua hệ thống tra cứu hoặc hình thức tiếp nhận thông tin, tra cứu khác |  | Miễn thu |  |  |  |
| - | Được giúp đỡ, tư vấn về tìm kiếm, lựa chọn tài nguyên thông tin phù hợp với yêu cầu |  | Miễn thu |  |  |  |
| - | Hoạt động khác theo quy định |  | Miễn thu |  |  |  |